

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 3151/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu Sâu Chua
đô thị Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- LH 88
- QH, HTKT
(T/H)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI -
XÂY DỰNG T. LÀO CAI

Số: 2741

ĐẾN Ngày: 15/10/18

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 107/TTr-SGTVTĐ ngày 14/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Sâu Chua đô thị Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai với nội dung sau:

(Có hồ sơ quy hoạch kèm theo).

1. Vị trí, ranh giới và diện tích lập quy hoạch

a) *Vị trí quy hoạch:* Thuộc địa giới hành chính của các thôn thuộc xã Sa Pa và xã Hữu Thào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

b) *Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:*

- Phía Bắc giáp xã Sa Pa;

- Phía Đông giáp xã Sa Pa và xã Hữu Thào;

- Phía Nam giáp phân khu Cầu Mây;

- Phía Tây giáp phân khu Xuân Viên và phân khu Hàm Rồng.

c) *Diện tích lập quy hoạch:*

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch 1.027,75ha.

- Diện tích nghiên cứu định hướng phát triển là 207,17ha.

2. Tính chất khu vực lập quy hoạch

- Là khu hành chính cấp phường;

- Là khu vực phát triển đô thị du lịch sinh thái nghỉ dưỡng chất lượng cao kết hợp du lịch tâm linh;
- Là trung tâm đào tạo, huấn luyện thể dục thể thao cấp quốc gia;
- Là trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp dược liệu;
- Là khu vực phát triển nông nghiệp ôn đới đặc thù, chất lượng cao;
- Là khu vực bảo tồn kết hợp du lịch khám phá, nghiên cứu khoa học.

3. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Phân khu chức năng:

Phân khu Sâu Chua được chia thành 08 khu chức năng gắn liền với các chức năng du lịch, tâm linh, nghỉ dưỡng, khu ở, bảo tồn giá trị văn hóa... gồm:

- Khu vực 1: Khu vực dự trữ phát triển đa chức năng.
- Khu vực 2: Khu vực thiền viện - du lịch tâm linh.
- Khu vực 3: Khu vực trung tâm thể dục thể thao quốc gia.
- Khu vực 4: Khu vực vườn ươm và nghiên cứu dược liệu.
- Khu vực 5: Khu vực ở mới và chỉnh trang bản làng.
- Khu vực 6: Khu ở hỗn hợp, thương mại dịch vụ - hành chính.
- Khu vực 7: Khu vực nông lâm nghiệp đặc hữu gắn liền với bản làng.
- Khu vực 8: Khu vực công viên đá.

b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Khu vực nghiên cứu được phân thành 06 vùng cảnh quan chính:

- Vùng cảnh quan ở đô thị;
- Vùng cảnh quan các khu chức năng đặc thù;
- Vùng cảnh quan lưu trú du lịch - resort;
- Vùng cảnh quan cây trồng nông nghiệp đặc hữu phục vụ du lịch;
- Vùng cảnh quan bản làng hiện trạng;
- Vùng cảnh quan tự nhiên, rừng phòng hộ... cần được bảo tồn.

Tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan chính trong khu đô thị được xác định theo các không gian trọng điểm sau:

- Khu vực thiền viện;
- Khu trung tâm thể dục thể thao quốc gia;
- Khu vực vườn ươm và nghiên cứu dược liệu;
- Các điểm dân cư và khu vực phát triển các dịch vụ, tiện ích đô thị;
- Khu vực công viên chuyên đề - công viên đá;
- Rừng và các khu nông, lâm nghiệp đặc hữu;

- Khu vực dự trữ phát triển.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Các khu chức năng sử dụng đất chính trên toàn khu vực lập quy hoạch

a) *Đất ở hiện trạng*: Tổng diện tích 234.686m² chiếm 2,28% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất OHT-01.... OHT-17; mật độ xây dựng tối đa 60% đến 70%; tầng cao tối đa từ 2 tầng đến 3 tầng.

b) *Đất ở mới*: Tổng diện tích 306.990m² chiếm 2,99% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất OM-01...OM-52; mật độ xây dựng tối đa 60% đến 70%; tầng cao tối đa 3 tầng.

c) *Đất công cộng*: Tổng diện tích 33.548m² chiếm 0,33% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất CC-1.....CC-7; mật độ xây dựng tối đa 40% đến 50%; tầng cao tối đa từ 3 tầng đến 5 tầng.

c) *Đất thương mại dịch vụ*: Tổng diện tích 19.821m² chiếm 0.19% diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất TMDV-1...TMDV-5; mật độ xây dựng tối đa 40% đến 60%; tầng cao tối đa 5 tầng.

d) *Đất hỗn hợp*: Tổng diện tích 49.654m²; chiếm 0,48% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất HH-1...HH-13; mật độ xây dựng tối đa 50% đến 60%; tầng cao tối đa 5 tầng.

e) *Đất trường học*: Tổng diện tích 21.588m² chiếm 0,21% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất TH-1...TH-6; mật độ xây dựng tối đa 40% đến 50%; tầng cao tối đa từ 2 tầng đến 4 tầng.

f) *Đất trung tâm nghiên cứu*: Tổng diện tích 61.497m² chiếm 0,60% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất TTNC.

g) *Đất tôn giáo*: Tổng diện tích 300.089m² chiếm 2,92% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất TG.

h) *Đất cây xanh công viên, mặt nước*: Tổng diện tích 64.668m² chiếm 0,63% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất CX-1...CX-14.

i) *Đất dự trữ phát triển*: Tổng diện tích 1.420.038m²; chiếm 13,80% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất DT.

k) *Đất thể dục thể thao*: Tổng diện tích 144.459m² chiếm 1,41% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất TDTT; mật độ xây dựng tối đa 10% đến 15%; tầng cao tối đa 2 tầng.

l) *Đất công viên đá*: Tổng diện tích 212.557m² chiếm 2,07% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất CVĐ.

m) *Mặt nước*: Tổng diện tích 146.000m² chiếm 1,42% tổng diện tích khu vực quy hoạch; ký hiệu ô đất MN.

n) *Đất lâm nghiệp*: Tổng diện tích 3.963.057m² chiếm 38,56% tổng diện tích khu vực quy hoạch.

p) *Đất nông nghiệp*: Tổng diện tích 2.758.289m² chiếm 27,10% tổng diện tích khu vực quy hoạch.

q) *Đất giao thông*: Tổng diện tích 513.538m² chiếm 5,0% tổng diện tích khu vực quy hoạch.

5. Bảng thống kê sử dụng đất

Số TT	Loại đất	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Chiều cao (tầng)
1	Đất ở hiện trạng	OHT-01 đến OHT-17	234.686	2,28	60-70	2-3
2	Đất ở mới	OM-01 đến OM-52	306.990	2,99	60-70	3
3	Đất công cộng	CC-1 đến CC-7	33.548	0,33	40-50	3-5
4	Đất thương mại dịch vụ	TMDV-1 đến TMDV-5	19.821	0,19	40-60	5
5	Đất hỗn hợp	HH-1 đến HH-13	49.654	0,48	50-60	5
6	Đất trường học	TH-1 đến TH-6	21.588	0,21	40-50	2-4
7	Đất trung tâm nghiên cứu	TTNC	61.497	0,60		
8	Đất tôn giáo	TG	300.089	2,92		
9	Đất cây xanh, công viên, TĐTT, mặt nước ...	CX-1 đến CX-14	64.668	0,63		
10	Đất dự trữ phát triển	DT-1 đến DT-30	1.420.038	13,82		
11	Đất thể dục, thể thao	TĐTT	144.459	1,41	10-15	1-2
12	Khu đất công viên đá	CVĐ	212.557	2,07		
13	Kênh mương	MN	146.000	1,42		
14	Đất lâm nghiệp		3.963.057	38,56		
15	Đất nông nghiệp (lúa, hoa màu ...)		2.785.289	27,10		
16	Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật khác		513.538	5,00		
17	Tổng		10.277.479	100,00		

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông

a) *Giải pháp thiết kế*:

(1) *Giao thông đối ngoại*:

- Quốc lộ 4D đoạn qua khu vực quy hoạch nâng cấp mở rộng theo tiêu

chuẩn đường chính đô thị 4 làn xe, quy mô chỉ $B_{nền} = 26,5m$ ($B_{mặt} = 2 \times 7,5m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 5m$; dải phân cách: 1,5m).

- Tuyến đường huyện Sa Pa - Hang Đá - Hầu Thào (đoạn từ nút giao đường tránh quốc lộ 4D với quốc lộ 4D hướng đi Công viên đá - Công viên đá địa chất):

+ Xây dựng mới đoạn đầu tuyến (khoảng 3km) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi, quy mô $B_{nền} = 12m$ ($B_{mặt} = 9,0m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 1,5m$).

+ Đoạn qua khu vực trung tâm Sâu Chua đến Công viên đá địa chất quy mô $B_{nền} = 18m$ ($B_{mặt} = 9,0m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 4,5m$).

(2) Giao thông khu vực:

- Nâng cấp hoàn thiện chất lượng mạng lưới đường hiện trạng, đồng thời xây dựng mới một số đoạn tuyến kết nối để tạo thành mạng lưới liên thông.

- Quy mô các tuyến đường đô thị đảm bảo tối thiểu 2 làn xe cơ giới, vỉa hè thay đổi phù hợp với từng khu vực. Các tuyến đường trong các khu du lịch phát triển mới có quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi với bề rộng lòng đường $> 5,5m$ và đảm bảo hành lang bảo vệ đường bộ.

- Xây dựng các tuyến đường liên khu vực, kết nối giữa các khu chức năng và với trung tâm đô thị Sa Pa, quy mô đoạn ngoài khu phát triển tập trung đạt tiêu chuẩn đường cấp IV ($B_{nền} = 9,0m$ trong đó $B_{mặt} = 7,0m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 1m$), đoạn trong khu vực phát triển tập trung quy mô ($B_{nền} = 12,0-13,0m$ trong đó $B_{mặt} = 6,0-7,0m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 3m$):

+ Tuyến đường kết nối từ đường quốc lộ 4D (đoạn tuyến đường chân núi Hàm Rồng) đến khu vực Hang Đá (tuyến kết nối quốc lộ 4D - Hang Đá) có quy mô ($B_{nền} = 17,5m$ trong đó $B_{mặt} = 7,5m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 5m$), chiều dài trong khu vực thiết kế khoảng 3,8km.

+ Tuyến đường kết nối đường ven chân núi Hàm Rồng kết nối khu vực du lịch Sả Ség có quy mô: $B_{nền} = 14,0m$ trong đó $B_{mặt} = 7,0m$; $B_{via\ hệ} = 2 \times 3,5m$).

(3) Giao thông du lịch:

- Xây dựng các tuyến đường du lịch dành cho người đi bộ, đi xe đạp tới các làng, bản, trong các công viên, lâm viên.

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ gắn với các trung tâm dịch vụ ven đường huyện Sâu Chua - Hầu Thào, tuyến kết nối quốc lộ 4D - Hang Đá.

(4) Công trình giao thông:

- Hệ thống bãi đỗ xe được tổ chức hợp lý phục vụ nhu cầu đi, đến. Hệ thống gara ô tô sẽ được xây dựng trên cơ sở tính toán nhu cầu cụ thể của các khu vực và của các công trình công cộng có quy mô lớn.

- Xây dựng các bãi đỗ xe tại các trung tâm du lịch, dịch vụ, thể thao. Tổng quy mô bãi đỗ xe khoảng 20ha.

- Kè, tường chắn, cầu, cống là các hạng mục thuộc đường giao thông được thiết kế kiên cố, đảm bảo ổn định nền và thoát nước.

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của mạng lưới đường bộ:

- Tổng diện tích đất giao thông: 51,35ha, trong đó:

+ Giao thông đối ngoại: 8,75ha;

+ Giao thông đô thị: 42,6ha;

+ Giao thông tỉnh: 20 ha.

- Tổng chiều dài mạng lưới đường chính 42,85 km (không tính chiều dài đường đi bộ).

c) Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ: Xác định chỉ giới đường đỏ được xác định trên mặt cắt cụ thể từng tuyến, được minh họa theo mặt cắt ngang điển hình. Chi tiết xem trên bản vẽ “Quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ”.

- Chỉ giới xây dựng: Được xác định bằng khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ. Trị số khoảng lùi phụ thuộc vào cấp đường, tính chất đường, công trình dọc trên đường...

6.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a) Định hướng nền xây dựng:

(1) Giải pháp thiết kế:

- Khu vực cải tạo xây dựng, giữ nguyên cao độ nền đường và cao độ nền xây dựng của các công trình đối với đường liên thôn, liên xã; một số lõi trũng sẽ tôn nền để tránh ngập úng và hài hòa với khu vực đã xây dựng, chiều cao đắp nền trung bình $0,5 \div 1,5$ m. Cao độ nền xây dựng không chế tại khu vực dọc tuyến đường quốc lộ 4D: Hxd: 1.248,00 ÷ 1.254,00m.

- Khu vực phát triển xây dựng mới trên nền thung lũng ven suối xây mới trên nền thung lũng cần tôn nền tới cao độ an toàn, chiều cao đắp nền dự kiến cao hơn mực nước lớn nhất hàng năm của suối từ $2 \div 3$ (m).

- Khu vực phát triển xây dựng mới trên sườn đồi núi cao độ nền không chế: Hxd: 1.624,00 ÷ 1.748,00m.

(2) Các chỉ tiêu về độ dốc, nền và đường:

- Độ dốc nền nhỏ nhất $I_{min}: \geq 0,004$.

- Độ dốc dọc đường không chế tối đa: $I_{max} < 10\%$ đối với khu vực xây dựng dân dụng.

(3) Khối lượng san nền:

- Khối lượng đào nền: $3.514.500m^3$.

- Khối lượng đắp nền: $231.000m^3$.

- Nguồn vật liệu đắp nền: Đất đắp được tận dụng từ các khu vực đào nền.

Khối lượng đất đào còn thừa được vận chuyển tới nơi tập kết theo quy định.

b) Thoát nước mưa:

(1) Hệ thống thoát: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (giai đoạn ngắn hạn thoát chung, dài hạn thoát riêng). Hoạt động theo chế độ tự chảy.

(2) Lưu vực và hướng thoát chính: Toàn khu vực nghiên cứu được chia thành nhiều tiểu lưu vực thoát về các suối, khe tự thủy rồi thoát về suối Ngòi Đum. Lưu vực được phân chia theo dạng phân tán nhằm thoát nhanh và giảm thiểu kích thước của hệ thống thoát nước mặt.

(3) Kết cấu hệ thống: Kết cấu hệ thống thoát nước mưa bao gồm mương xây hờ: $B \times H = 0.6 \times 0.6 \text{m}$ và cống hộp ngầm bê tông cốt thép kích thước $B \times H = 0.6 \times 0.8 \text{m} \div B \times H = 1.0 \times 1.0 \text{m}$.

(4) Độ sâu chôn cống được khống chế như sau:

- Cống đi trên hè và trong khu vực cây xanh công viên: 0,5m.
- Cống đi dưới lòng đường: 0,7m.

(5) Chỉ tiêu bố trí giếng kiểm tra:

- Giếng kiểm tra được bố trí tại những vị trí đầu nối các tuyến cống.
- Những vị trí chỗ thay đổi hình thức kết cấu cống và vị trí thay đổi kích thước đường kính cống.
- Những vị trí đổi chiều dòng chảy.
- Khoảng cách trung bình của các giếng kỹ thuật từ 40÷60m.
- Tận thu, tích trữ nguồn nước mưa.
- Tận thu nước mưa trên mái, sân vườn các công trình xây dựng.
- Xây dựng các bể tích trữ nước mưa tại các khu vực khả thi: hợp lưu các nhánh suối, các khe tự thủy... tận dụng cho các mục đích tưới cây, rửa đường.
- Xây dựng hồ điều tiết nước mưa:
 - + Tận dụng mặt nước hiện có, vùng ruộng trồng xây dựng hồ cảnh quan, kết hợp điều tiết nước mặt, cải thiện môi trường sinh thái, vi khí hậu cho khu vực.
 - + Bố trí phai điều tiết nước mưa để giữ được mực nước cảnh quan trong hồ.
 - + Chiều sâu điều tiết nước mưa: $H = 1 \div 1.5 \text{m}$.

6.3. Quy hoạch cấp nước

a) Nguồn nước và công trình đầu mối:

- Nhà máy nước Sa Pa: Đầu nối vào tuyến ống truyền dẫn từ nhà máy nước SaPa đến theo Quy hoạch chung đô thị du lịch Sa Pa đã xác định. Xây dựng 02 trạm bơm tăng áp có công suất $600 \text{m}^3/\text{ngđ}$ mỗi trạm bơm nước lên bể chứa áp lực đặt tại vị trí cốt cao đảm bảo nước tự chảy vào mạng lưới phân phối.

- Riêng khu vực đồi núi cao phía Đông Bắc (khu Thiền viện, TĐTT và thương mại), được cấp từ đường ống áp lực $D150 \text{mm}$ dẫn nước từ nhà máy

nước Sa Pa tới, kết hợp xây dựng mới 01 trạm cấp nước tập trung công suất $800\text{m}^3/\text{ngđ}$. Trạm cấp nước khai thác nước thô từ đập ngầm dẫn nước từ nhánh suối Vàng chảy dưới chân dốc về xử lý đồng thời khai thác nước từ bãi giếng khoan ven suối đảm bảo cấp nước an toàn cho khu vực.

b) Mạng lưới cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế theo nguyên tắc kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt, cấp nước trực tiếp từ mạng lưới đường ống phân phối đến từng công trình.

- Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối chính $\varnothing 100\text{mm} \div \varnothing 150\text{mm}$ dọc các tuyến đường quy hoạch, đấu nối với tuyến truyền dẫn (theo quy hoạch chung).

- Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước dịch vụ $\varnothing 63\text{mm} \div \varnothing 75\text{mm}$ đấu nối với hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối chính trong khu quy hoạch, tuyến cấp nước dịch vụ được bố trí dọc theo mạng đường quy hoạch.

- Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống tính từ mặt đất tới đỉnh ống với đoạn ống có đường kính $\geq \varnothing 100$ thì độ sâu đặt ống từ $1,0 \div 1,2\text{m}$, đoạn ống có đường kính $\leq \varnothing 100$ thì độ sâu đặt ống từ $0,7 \div 1,0\text{m}$.

- Vật liệu ống chọn bằng nhựa HDPE (PE100).

- Cấp nước cứu hỏa:

+ Hạng cứu hỏa được bố trí trên tuyến ống cấp nước với đường kính $\varnothing 100\text{mm}$ chạy dọc theo các đường quy hoạch.

+ Hệ thống cứu hỏa: áp lực thấp khi có đám cháy xảy ra, xe cứu hỏa đến hạng cứu hỏa gần nhất bơm nước đến điểm có cháy để dập tắt đám cháy.

6.4. Quy hoạch Cấp điện và thông tin liên lạc

a) Nguồn điện, trạm biến áp:

Nguồn điện cung cấp cho khu vực nghiên cứu sẽ được lấy từ tuyến điện 35(22)KV hiện trạng đi từ thành phố Lào Cai đến. Trong tương lai khi TBA 110KVA Sa Pa đi vào hoạt động thì tuyến điện Lào Cai - Sa Pa sẽ chuyển đầu nối về TBA 110KVA Sa Pa, do đó nguồn cấp cho phân khu giai đoạn sau sẽ là TBA 110KVA Sa Pa.

b) Lưới điện:

- Các tuyến hiện trạng: Các tuyến 35KV hiện trạng giữ lại, chỉ di chuyển một số đoạn tuyến để phù hợp với phương án sử dụng đất.

- Xây dựng mới:

+ Xây dựng mới các tuyến 22KV trên không hoặc đi ngầm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng của đô thị.

+ Tại các ô đất dự trữ phát triển (du lịch, nông nghiệp đặc hữu, đô thị...):

Khi có dự án cụ thể, nếu cần thiết sẽ xây dựng đường dây trung thế đi vào các trạm biến áp của ô đất (xuất tuyến từ đường dây 22KV của khu).

+ Kết cấu lưới 22KV theo mạng kín nhưng vận hành hở. Sử dụng các tuyến cáp điện đi nổi trên các cột điện bê tông ly tâm, ngầm hóa tại những vị trí cần thiết.

c) Lưới điện chiếu sáng:

- Hệ thống đường giao thông trong khu vực được chiếu sáng bằng các đèn bố trí trên vỉa hè ở một bên đường (với bề rộng lòng đường từ 6÷10,5m) hoặc ở hai bên đường (với bề rộng lòng đường lớn hơn 10,5m).

- Điều khiển hệ thống đèn đường là các tủ điện chiếu sáng được cấp nguồn từ các trạm biến áp khu vực 22/0,4KV.

- Cấp điện cho hệ thống đèn đường dùng cáp ngầm chôn dưới hè đường, đảm bảo tiêu chuẩn quy chuẩn.

d) Thông tin liên lạc:

- Các khu vực có nhu cầu về thông tin liên lạc đều được cấp đủ.

- Bố trí xây mới một trạm thu phát sóng (theo định hướng quy hoạch chung thị trấn Sa Pa) tại khu vực phía Đông của khu.

- Tại các trục đường chính trong khu vực sẽ lắp đặt tối thiểu là 2 ống PVC $\varnothing 110 \times 5$ mm, được đi trên vỉa hè.

- Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp ống thép chịu lực, chôn sâu trên 0,7m.

6.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phát sinh lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước.

- Nước thải phát sinh trong khu vực được thu gom bằng mạng lưới cống có đường kính D200-D300 mm.

- Hệ thống đường cống thoát nước thiết kế bằng ống nhựa HDPE, độ dốc tối thiểu $i = 1/D$. Chiều sâu chôn cống tối thiểu dưới vỉa hè là 0,7m tính tới đỉnh cống.

- Bố trí hệ thống hố ga trên tuyến cống thoát nước thải với khoảng cách tối đa ~20m/hố ga.

- Hệ thống đường ống thoát nước là hệ thống tự chảy, được tính toán thủy lực dựa trên công thức Chezy.

b) Quản lý chất thải rắn:

- CTR sinh hoạt và CTR từ các công trình công cộng, dịch vụ sẽ được phân loại tại nguồn và thu gom triệt để về trạm trung chuyển CTR của khu vực trước khi vận chuyển tới khu xử lý CTR.

- Bố trí 01 trạm trung chuyển CTR phù hợp với kiến trúc cảnh quan của khu vực. Với công suất xử lý dự kiến đến năm 2030 đạt 500 tấn/ngày.

c) *Quản lý nghĩa trang*: Được xác định và bố trí theo tổng thể quy hoạch chung đô thị.

- Tiêu chuẩn đất xây dựng nghĩa trang: 0,06 ha/1000 người.
- Nhu cầu đất phục vụ cho đất nghĩa trang khoảng: 0,18 ha.

7. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Sa Pa và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao UBND huyện Sa Pa và các cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Giao thông vận tải - Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư Chủ tịch UBND huyện Sa Pa, Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Sở GTVT-XD (02 bản);
- UBND huyện Sa Pa (02 bản);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TNMT1, QLĐT4,5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong